

BỘ XÂY DỰNG-BAN
VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ
Số: 01/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 1 năm 1993

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ CỦA BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ - BỘ XÂY DỰNG

Hướng dẫn cơ chế quản lý giá xi măng

Căn cứ Điều 2, Điều 4 Quyết định 137/HĐBT ngày 27-4-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quản lý giá, để bình ổn được giá xi măng đồng thời chống tiêu cực do những sơ hở trong việc quản lý giá bán xi măng, Liên bộ Bộ Xây dựng - Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn cơ chế quản lý giá xi măng như sau:

I. VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN

QUY ĐỊNH GIÁ XI MĂNG

1. Thống nhất một giá bán xi măng tại các nhà máy.

a) Để tránh những tiêu cực do có nhiều phương thức bán khác nhau tại nhà máy cho các đối tượng từ nay Liên Bộ thống nhất quy định:

Tại một nhà máy đối với mỗi loại xi măng chỉ bán một giá thống nhất cho tất cả các đối tượng làm nhiệm vụ lưu thông (kể các Công ty kinh doanh xi măng của Liên hiệp các xí nghiệp xi măng) và các đối tượng tiêu dùng khác.

b) Giá bán xi măng thống nhất tại nhà máy do Bộ Xây dựng quy định, sau khi thống nhất với Ban Vật giá Chính phủ, theo nguyên tắc, lấy giá bán lẻ tối đa xi măng tại thị trường chính của mỗi nhà máy (quy định ở điểm 2 dưới đây) trừ (-) chiết khấu lưu thông từ nhà máy sản xuất đến thị trường chính và chiết khấu bán lẻ. Chiết khấu lưu thông và chiết khấu bán lẻ phải đảm bảo cho tổ chức kinh doanh bù đắp chi phí và có lãi hợp lý.

Đối với mùa mưa nếu thị trường tiêu thụ giảm cần khuyến khích tiêu thụ, dự trữ trong khâu lưu thông và ở người tiêu dùng. Bộ Xây dựng trao đổi thống nhất với Ban Vật giá Chính phủ quyết định điều chỉnh giá bán ở nhà máy thấp hơn mùa khô (mùa xây dựng).

2. Giá bán lẻ tối đa xi măng tại các thị trường chính

a) Giá bán lẻ tối đa xi măng tại thị trường chính được xác định theo nguyên tắc:

+ Chủ yếu phải phù hợp với giá thị trường tại thời điểm định giá có tính đến tương quan mặt bằng giá các loại hàng hoá khác và giá xi măng nhập khẩu.

+ Đồng thời phải bù đắp chi phí sản xuất lưu thông, có lãi để mở rộng sản xuất và nộp Ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.

b) Giá bán lẻ tối đa được áp dụng cho tất cả các tổ chức lưu thông bán lẻ cho người tiêu dùng.

c) Thị trường chính là thị trường có lượng tiêu thụ lớn, gần nơi sản xuất, có thể được thay đổi phù hợp với yêu cầu quản lý từng thời kỳ. Trước mắt trong năm 1993, thị trường chính được xác định như sau:

- Hà Nội đối với xi măng Bỉm Sơn và Hoàng Thạch.

- Thành phố Hồ Chí Minh đối với xi măng Hà Tiên.

- Hải Phòng đối với xi măng Hải Phòng.

d) Ban Vật giá Chính phủ sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Xây dựng quy định một mức giá bán lẻ tối đa loại xi măng chuẩn của mỗi nhà máy tại các thị trường chính.

Giá bán lẻ tối đa các loại xi măng khác do xí nghiệp Trung ương sản xuất có bán ở thị trường chính này do Bộ Xây dựng quy định theo tương quan phẩm chất với giá bán lẻ xi măng chuẩn.

3. Giá bán lẻ tối đa tại các thị trường khác (ngoài các thị trường chính)

Giá bán lẻ tối đa các loại xi măng tại các thị trường tiêu thụ khác là giá bán tại nhà máy (điểm

1) cộng (+) chiết khấu lưu thông từ nhà máy sản xuất đến các thị trường tiêu thụ (các tỉnh) và cộng (+) chiết khấu bán lẻ tại địa phương.

Giá bán lẻ tối đa tại các tỉnh do Bộ Xây dựng quy định (đối với các tỉnh có mạng lưới kinh doanh xi măng của Trung ương) hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (đối với các tỉnh không có mạng lưới kinh doanh xi măng Trung ương).

4. Giá bán lẻ xi măng của các công ty kinh doanh (cả Trung ương và địa phương)

Căn cứ vào mức giá bán lẻ tối đa của loại xi măng tại các thị trường chính và các thị trường khác (ngoài thị trường chính) do Ban Vật giá Chính phủ, Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (điểm 1 và 3).